TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/DS-ST
Ngày: 05-8-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Lê Thị Xuân Mai

2/- Bà Nguyễn Thị Xuyến

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 375/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: NKKN, Phường A (nay là Phường VTS), Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH QLN KTTS Ngân hàng S, NKKN, Phường VTS, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông TGT, là người đại diện theo ủy quyền. (Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 và Giấy ủy quyền số 1446/2024/UQ-TGĐ ngày 11/3/2024).

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông DCM – Sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: CT, Phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông TGT là Người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 30/11/2018, ông DCM có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
Master	512341-5314	20.000.000	30/11/2018	2.6 %

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Minh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 417.998.999 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất S áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S). Ông M phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Minh đã thanh toán cho S số tiền 401.102.150 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S), ngày 23/4/2021 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S). S đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 31.946.230 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S nên S yêu cầu ông M trả số

tiền còn thiếu tính đến ngày 10/6/2024 là 56.944.492 đồng. Cụ thể là:

ĐVT: đồng

Loại thẻ	Số thẻ	Nợ gốc	Lãi quá hạn	Lãi suất áp dụng
Master	512341-5314	22.883.032	34.061.460	3.9% (2.6% x 150%)

Mặc dù S đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông M, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời S cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên ông M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho S, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, S yêu cầu Tòa buộc ông DCM phải trả ngay cho S tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/6/2024 là 56.944.492 (*Năm mươi sáu triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm chín mươi hai*) đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 22.883.032 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.061.460 đồng. Ngoài ra, ông M còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 11/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng nói trên.

Tại phiên tòa:

- *Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông TGT là Người đại diện theo ủy quyền* có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông DCM vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3, quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy bị đơn ông DCM không thực hiện đúng thỏa thuận tại "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" và "Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng" đã được S phê duyệt ngày 30/11/2018. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S Tín khởi kiện bị đơn ông DCM là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bị đơn ông D phải có trách nhiệm thanh toán số nợ do sử dụng thẻ tín dụng quốc tế S MasterCard theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" và "Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng" được S phê duyệt ngày 30/11/2018, nên đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc ông DCM phải trả cho S số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được phê duyệt ngày 30/11/2018 và do Bị đơn có nơi cư trú tại Quận D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[1.3.1]. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 05/8/2024, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông TGT là Người đại diện theo ủy quyền xác định: "Vào ngày 30/11/2018, ông DCM có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S) "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" và "Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S". Loại thẻ của ông Minh là thẻ tín dụng quốc tế S MasterCard, có số thẻ là 512341-5314, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn thời gian này là 2.6%/tháng. Lãi suất trong hạn sẽ thay đổi theo từng thời kỳ khi có văn bản mới của S quy định. Trước khi khởi kiện ông M, S đã thực hiện thông báo số tiền nợ sao kê thẻ thông qua Thông báo khởi kiện ngày 12/9/2023 đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà ông M đã cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (có đính kèm các tài liệu chứng cứ cho việc khởi kiện) thế nhưng ông M vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa buộc ông M phải trả cho S số tiền tạm tính đến ngày 05/8/2024 là 58.610.380 *(Năm mươi tám triệu, sáu trăm mười nghìn, ba trăm tám mươi)* đồng, trong đó nợ gốc là 22.883.032 đồng, lãi quá hạn là 35.727.348 đồng, thanh toán ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, buộc ông M phải tiếp tục trả lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 06/8/2024 cho đến khi thanh toán hết dư nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Do thẻ tín dụng nêu trên ông M sử dụng với mục đích cá nhân nên S chỉ yêu cầu cá nhân ông M là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho S. Lãi suất quá hạn = 150% x (nhân) với lãi suất trong hạn = 150% x (nhân) với 2.6%/tháng = 3.9%/tháng. (Theo Quyết định 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam). Tiền lãi quá hạn =Lãi suất quá hạn x (nhân) với số tiền nợ gốc". Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt Nguyên đơn.

[1.3.2]. Bị đơn ông DCM đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của Nguyên đơn:

Căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" được S phê duyệt ngày 30/11/2018 thì giữa chủ thẻ chính là ông DCM và bên phát hành thẻ là S có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế S MasterCard với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng.

Theo các Bảng tóm tắt sao kê và Sao kê chi tiết giao dịch của ông DCM có số căn cước công dân ABCDEFGHJQWE do S cung cấp thì ông M kích hoạt thẻ vào ngày 22/12/2018. Ông M sử dụng thẻ từ 22/12/2018 đến ngày 22/10/2020 và có thanh toán đều cho S đến 22/02/2021 thì ngưng thanh toán. Do ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S), ngày 23/4/2021 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của S). Thời gian chốt các giao dịch thực hiện trong tháng là vào ngày cuối cùng của mỗi tháng. Thời gian từ ngày 22/12/2018 đến 22/10/2020 số tiền các lần giao dịch mà ông M đã sử dụng thẻ là 417.998.999 đồng (số tiền gốc). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Minh đã thanh toán cho S số tiền 401.102.150 đồng. Thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S: Ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Số tiền thanh toán được thanh toán cụ thể như sau: Phí trễ hạn là 678.313 đồng, phí vượt hạn mức là 300.000 đồng, phí thường niên là 897.000 đồng, lãi là 39.838.218 đồng. Sau khi trừ hết các khoản trên theo thứ tự thì số tiền gốc còn lại là 22.883.032 đồng. Tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 22.883.032 đồng x (nhân) với lãi suất quá hạn. Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 23/4/2021 đến nay là 35.727.348 đồng, áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3.9%/tháng (=150% x 2.6%/tháng), căn cứ Quyết định 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019. Tổng cộng ông M còn nợ S số tiền (tạm tính đến ngày 05/8/2024) là 58.610.380 đồng.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;…"

Theo quy định tại Điều kiện và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) kèm theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của S:

+ Tại mục Phương thức thanh toán, cụ thể là:

- Tại Điều 18 quy định: "Tất cả các Giao dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị Phát Hành Thẻ vào hoặc trước Ngày Đến Hạn được ghi trên thông báo …";

- Tại Điều 19 quy định về Số tiền thanh toán như sau: "Chủ Thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán Số Tiền Đến Hạn vào hoặc trước Ngày Đến Hạn như được nêu trong Thông Báo hàng tháng gởi cho Chủ thẻ…"

- Tại Điều 20 quy định về Áp dụng thanh toán như sau: "Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của

kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ."

- Tại Điều 22 quy định về Cách tính lãi trong hạn như sau: "Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản. Lãi suất được tính như sau: … b) Đối với giao dịch rút tiền mặt và giao dịch tương đương rút tiền mặt: Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày Chủ thẻ thanh toán lại toàn bộ số tiền đã rút."

- Tại Điều 23 quy định về Vi phạm như sau: "Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm trong hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng Dư Nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và phải được trả bởi Chủ Thẻ. Nếu Chủ Thẻ có nhiều hơn một Tài Khoản với Đơn Vị Phát Hành Thẻ, việc vi phạm ở một Tài Khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở những tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn Vị Phát Hành Thẻ có quyền chấm dứt tất cả các Tài khoản của Chủ Thẻ tại Đơn Vị Phát Hành Thẻ…

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ Thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn Vị Phát Hành Thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi nợ;
- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ Dư Nợ theo quy định của Đơn Vị Phát Hành Thẻ …"

+ Tại mục Các loại phí, cụ thể là:

- Tại Điều 24 quy định về Các loại phí như sau: "Bên cạnh lãi suất, Chủ Thẻ còn phải trả các loại phí liên quan đến Thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các loại phí sau đây:

(1) Phí hàng năm và phí phát hành thẻ phụ: Được thu mỗi năm một lần.

(2) Phí rút tiền mặt: Được thu khi Chủ thẻ rút tiền mặt.

…

(4) Phí thay đổi Hạn Mức: Được thu khi Chủ thẻ yêu cầu tăng hoặc giảm Hạn Mức đã được cấp.

(5) Phí vượt Hạn Mức: Được tính trên số dư vượt Hạn Mức được cấp.

(6) Phí chậm thanh toán: Được thu nếu Chủ thẻ không thanh toán ít nhất Số Tiền Tối Thiểu vào hoặc trước Ngày Đến Hạn…"

Mặt khác, tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 (nay là Điều 5 Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phí dịch vụ thẻ thì đều quy định: Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp

luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi…

S đã thực hiện thông báo số tiền nợ sao kê thẻ thông qua Thông báo khởi kiện ngày 12/9/2023 đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà ông M đã cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng trước khi S thực hiện việc khởi kiện ông M tại Tòa cũng như thông báo cho ông M biết việc S khởi kiện ông (có đính kèm các tài liệu chứng cứ cho việc khởi kiện).

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của S yêu cầu Tòa buộc ông DCM phải trả cho S số tiền là 58.610.380 *(Năm mươi tám triệu, sáu trăm mười nghìn, ba trăm tám mươi)* đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 22.883.032 đồng, tiền lãi quá hạn là 35.727.348 đồng (tạm tính từ ngày 23/4/2021 đến 05/8/2024), là có cơ sở nghĩ nên chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/20219/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc ông DCM phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/8/2024 là 58.610.380 *(Năm mươi tám triệu, sáu trăm mười nghìn, ba trăm tám mươi)* đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó số tiền gốc là 22.883.032 đồng, tiền lãi quá hạn là 35.727.348 đồng.

Kể từ ngày 06/8/2024, ông DCM còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng được S phê duyệt ngày 30/11/2018 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông DCM phải chịu 2.930.519 *(Hai triệu, chín trăm ba mươi nghìn, năm trăm mười chín)* đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.300.158 *(Một triệu, ba trăm nghìn, một trăm năm mươi tám)* đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002450 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**